

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc D - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-6-2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc D tổ chức đám cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 91/2001, ngày 01-8-2001. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế, về quan điểm sống. Ngoài ra, ông D lại không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Bà đã cố gắng nhịn nhục để cuộc sống của vợ chồng thêm đầm ấm, hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Ông

bà hiện nay vẫn đang sống chung vì ông D ghen tuông nói với mẹ ruột của bà là bà có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên bà tiếp tục sống chung nhà để chờ Tòa án giải quyết xong.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 21-02-2002 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10-5-2008 (hiện đang sống chung với ông bà). Do con chung Nguyễn Văn V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn con chung Nguyễn Thị Ngọc M bà yêu cầu ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 19-7-2023, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:*

Ông đồng ý một phần trình bày của bà N về ngày tháng, điều kiện kết hôn, hiện vẫn sống chung nhà, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Ông D không đồng ý về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà N. Ông bà xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà N ghen tuông vô cớ cho rằng ông có mối quan hệ bất chính bên ngoài, mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhặt không đáng kể, ông vẫn còn thương vợ.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 21-02-2002 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10-5-2008. Con chung Nguyễn Văn V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc D, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quốc D chung sống có đăng ký kết hôn ngày 01-8-2001 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, yêu cầu đoàn tụ của ông D, Hội đồng xét xử nhận định: Bà N cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế, về quan điểm sống. Ngoài ra, ông D lại

không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Bà đã cố gắng nhịn nhục để cuộc sống của vợ chồng thêm đầm ấm, hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Ông D không thống nhất lời trình bày của bà N. Ông D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà N ghen tuông vô cớ cho rằng ông có mối quan hệ bất chính bên ngoài, mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhất không đáng kể, ông vẫn còn thương vợ. Xét cả bà N và ông D đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông D muốn đoàn tụ nhưng vắng mặt tại phiên toà không lý do. Khi hòa giải ông D không đưa ra biện pháp hữu hiệu nào để vợ chồng sống chung hòa thuận, cuộc sống chung kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 21-02-2002 đã thành niên không yêu cầu nên không giải quyết. Ông D được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10-5-2008 là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung: Bà N và ông D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về chia nợ chung: Bà N và ông D trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[10] Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.
2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 21-02-2002 đã thành niên không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Nguyễn Quốc D được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 10-5-2008, hiện đang sống với bà N và ông D. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N có nghĩa vụ giao con chung tên M cho ông D nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà N được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà N và ông D có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0003418 ngày 04-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái